

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T.S
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HS-ST
Ngày 10/3/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T.S, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Thúc
Ông Nguyễn Tất Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T.S, tỉnh B Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố X.T, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh B Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); Có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1963, có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2019 đến ngày 18/10/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Đào Thị S, sinh năm 1978
HKTT: Tổ 37, phường N.T, quận L.B, tp Hà Nội (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng việc được giao quản lý tài sản của quán H.N có địa chỉ tại khu đô thị P.Đ, phường Đ.N, thị xã T.S, Nguyễn Thị B đã thuê gái bán dâm là Trần Thị N và Vũ Thị H để thực hiện việc chứa mại dâm nhằm thu tiền phòng của khách mua dâm. Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 14/10/2019 tổ công tác của Công an thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã bắt quả tang khi B cho 02 đôi nam, nữ thực hiện mua bán dâm tại phòng 301 và 402 của quán H.N. Ngày 15/10/2019 B đến Cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 04/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S đã quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã T.S để xét xử bị cáo Nguyễn Thị B về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo B khai nhận: Quán “Tầm quất karaoke H.N” thuộc khu đô thị P.Đ, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ cá thể do đại diện gia đình là ông Nguyễn Văn T sinh năm 1963 HKTT: Khu phố N.G, phường Đ.N, thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đứng tên. Đây cũng là nhà ở của gia đình bị cáo (em gái ông T). Thực tế, mọi hoạt động kinh doanh đều do bị cáo điều hành, ông T chỉ đứng tên thay. Ngày 28/4/2019 quán H.N đã bị Cảnh sát PCCC tỉnh Bắc Ninh ra quyết định đình chỉ hoạt động, ngày 20/8/2019 Công an thị xã T.S ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự. Mặc dù biết quán H.N bị đình chỉ hoạt động, bị cáo vẫn cho Trần Thị N và Vũ Thị H ở lại quán để bán dâm cho khách. Bị cáo thỏa thuận với N và H như sau: Khi có khách đến mua dâm thì bị cáo sẽ thu của khách tiền phòng là 200.000 đồng một người, còn tiền mua dâm khách với gái bán dâm sẽ tự thỏa thuận. Số tiền khách trả gái bán dâm sẽ được hưởng toàn bộ và không phải trích trả cho bị cáo. Hàng ngày, N và H sẽ phải trả cho B 100.000 đồng tiền sinh hoạt tại quán.

Khoảng 15 giờ ngày 14/10/2019, bị cáo đang ở phòng khách tầng 1 quán H.N thì có Lê Bá H1, Nguyễn Huy N1 và Hoàng Văn H2 đến quán để mua dâm (sau khi bị bắt bị cáo mới biết tên 3 người này). Khi bị cáo hỏi “Hát hay thư giãn” (ý hỏi hát karaoke hay mua dâm) thì H1 trả lời “Cho cháu 03 vé tàu nhanh”. Bị cáo

hiểu ý H1 muốn mua dâm nên đồng ý. Lúc này, H2 bảo với H1 là không muốn mua dâm nữa nên H1 nói lại với bị cáo là “Cho cháu 02 vé thôi”. Bị cáo bảo với H1 “Hai vé bốn trăm, mỗi vé hai trăm”. H1 đưa cho bị cáo 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, bị cáo nhận và đưa lại H1 100.000 đồng rồi bảo H1 và N lên phòng 301 và 402. H2 ngồi tại phòng khách tầng 1 để uống bia. Sau đó, bị cáo dùng điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 có lắp sim số thuê bao 0977.203.168 của mình gọi đến số thuê bao 0347.526.480 của chị Đào Thị S là người giúp việc cho nhà bị cáo, nói “Bảo hai đứa nhân viên sang phòng 301 và 402”. Sau đó bị cáo đi ra ngoài có việc riêng. Chị S không biết việc bị cáo nói vậy là bảo hai nhân viên đi bán dâm. Khi đó, chị S và các nhân viên của quán H.N đang ở tại phòng nghỉ tầng 4 nên sau khi nghe S bảo thì N xuống phòng 301 còn H qua phòng 402. Tại phòng 301, sau khi thỏa thuận H1 đưa cho N số tiền mua dâm là 500.000 đồng. Tại phòng 402 N1 thỏa thuận với H số tiền mua dâm là 400.000 đồng, khi N1 đưa cho H tờ 500.000 đồng, H trả lại N1 100.000 đồng. Khoảng 10 phút sau thì có lực lượng công an đến kiểm tra phát hiện và bắt quả tang H1 và N đang mua bán dâm tại phòng 301, N1 và H đang mua bán dâm tại phòng 402. Thu giữ 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng trắng của chị Đào Thị S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 vỏ màu hồng của bị cáo và 1.700.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S duy trì công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất của vụ án, đánh giá các chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Chứa mại dâm”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 13 tháng đến 16 tháng tù.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 nộp ngân sách nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su; 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 sim số thuê bao 0977.203.168.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 vỏ màu hồng và số tiền 1.700.000 đồng.

Trả lại chị Đào Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng trắng cùng sim thẻ thuê bao 0347.526.480.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với thời gian, địa điểm và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, tại quán H.N có địa chỉ tại khu đô thị P.Đ, phường Đ.N, thị xã T.S do Nguyễn Thị B quản lý, B có hành vi chứa chấp 02 đôi nam nữ mua bán dâm tại phòng 301 có H1, N và 402 có N1, H đang mua bán dâm với mục đích để thu lời bất chính, thì bị bắt quả tang. Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã T.S, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ đã xâm phạm trật tự an toàn công cộng, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục, bản sắc, nếp sống văn hóa mới của dân tộc và nhân cách con người, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội và là nguy cơ lây truyền những căn bệnh nguy hiểm. Biết vậy, nhưng chỉ vì động cơ trục lợi, bị cáo vẫn lao vào con đường phạm tội để rồi phải đứng trước phiên tòa hôm nay chịu sự trừng phạt của pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo được việc răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm trong xã hội.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo chứa mại dâm để kiếm lời đáng do vậy phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng thu giữ như biên bản giao nhận vật chứng và đề nghị của Viện kiểm sát về xử lý vật chứng là phù hợp cần chấp nhận.

Liên quan đến vụ án còn có Trần Thị N, Vũ Thị H có hành vi bán dâm, Công an thị xã T.S đã ra quyết định xử lý hành chính với hình thức phạt tiền, xét thấy việc xử lý hành chính như trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với Lê Bá H1, Nguyễn Huy N1 có hành vi mua dâm, sau khi bị bắt đưa về trụ sở Công an thị xã T.S, lợi dụng sơ hở hai đối tượng đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ tại phường Đ.B nhưng không có người có nhân thân, lai lịch như các đối tượng đã khai báo. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh Hoàng Văn H2 đi cùng Lê Bá H1, Nguyễn Huy N1, anh H2 khai anh và H1, N1 chỉ là bạn bè quen biết ngoài xã hội, anh không biết tên, tuổi, địa chỉ thực của H1 và N1. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh H2.

Liên quan vụ án còn có Đào Thị S, sinh năm 1978 trú tại Tổ 37 phường N.T, quận L.B, Hà Nội là giúp việc tại nhà B và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 là chồng bị cáo B. Qua trá trình điều tra xác minh bà Sen và ông H không được biết về việc B thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra đã giáo dục, nhắc nhở với bà S và ông H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội “Chứa mại dâm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 13 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2019 đến ngày 18/10/2019.

Phạt bổ sung cho bị cáo 10.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 sim thuê bao 0977.203.168.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.700.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu hồng.

Trả lại chị Đào Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng trắng cùng sim thuê bao 0347.526.480.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T.S;
- Công an thị xã T.S;
- Chi cục THADS thị xã T.S;
- những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Trường